

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 48/2024/DS- ST

Ngày: 02 - 7 -2024.

V/v “*Kiện đòi tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Thương Huyền

Ông Phạm Đức Minh

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trương Quang Vũ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thanh Lĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Tiến A**, sinh năm 1959 và bà **Phan Thị D**, sinh năm 1963

Địa chỉ: tổ 6, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Đoàn Thị Trúc Linh**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: thôn 6, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1989

Địa chỉ: 477 Hùng Vương, tổ 3, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(*bà Linh có mặt, bà C vắng mặt*).

C DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12-12-2023 cùng những yêu cầu thay đổi bổ sung của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện:

Do có quen biết nên ngày 18/7/2020 ông Phún Đức B và bà Nguyễn Thị C có vay của ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị D số tiền 170.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay nợ với nhau, chữ viết trên giấy nhận nợ là của bà C, chữ ký bên vay là của ông B, bà C, ngày tháng vay là do chữ của bà D ghi, mục đích vay là để lấy vốn kinh doanh, bà C,

ông B hẹn 03 tháng sẽ trả số tiền trên cho ông A, bà D, lãi suất hai bên tự thỏa thuận với nhau. Đến hạn ông A, bà D có đòi tiền nhiều lần nhưng ông B, bà C không trả.

Đến ngày 25/4/2024 ông A, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và trình bày do quá trình giải quyết vụ án bà C trình bày chữ ký bên nhận nợ ghi Phún Đức B là do bà C ghi cho ông B chứ ông B không liên quan gì đến khoản nợ này, do vậy ông A, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông A, bà D chỉ khởi kiện yêu cầu mình bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông A, bà D số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của bị đơn: bị đơn có vay của ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị D số tiền 170.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay nợ với nhau, chữ viết trên giấy nhận nợ là của bà C, chữ ký bên vay là của bà C, ngày tháng vay là do chữ của bà D ghi, chữ viết và ký ghi Phún Đức B do bà C tự viết và ký vào, chứ khoản nợ này không liên quan gì đến ông B. Tuy nhiên khoản tiền vay 170.000.000 đồng này bà đã trả hết cho ông A, bà D, nhưng do tin tưởng nên không lấy giấy gốc về nên ông A, bà D mới cầm tờ giấy này đi kiện bà. Nay ông A, bà D khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho ông A, bà D số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà chỉ đồng ý trả cho ông A, bà D số tiền vay 30.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng này là một khoản vay khác bà vay của ông A, bà D.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà C đã trả được cho ông A, bà D số tiền 65.000.000 đồng, do vậy nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền còn lại là 105.000.000 đồng.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị D về việc “*Kiện đòi tài sản*” với bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị D số tiền 105.000.000 đồng.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà D, ông A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà D, ông A 170.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu tiền lãi, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày quá trình Tòa án giải quyết vụ án

bà C đã trả được cho ông A, bà D số tiền 65.000.000 đồng, do vậy nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền còn lại là 105.000.000 đồng, bị đơn bà C cho rằng bà có vay của bà D, ông A số tiền trên nhưng đã trả hết cho bà D, ông A, nay bà chỉ đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng của một khoản vay khác mà bà vay của bà D, ông A.

[2] Lời trình bày trên của bà D, ông A là có căn cứ và đúng pháp luật vì ông bà xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và đúng pháp luật đó là giấy mượn tiền đề ngày 18/7/2020 do bà D, ông A cung cấp thể hiện bà C có mượn của bà D, ông A số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, có chữ ký của bà C. Bà C cho rằng số tiền vay 170.000.000 đồng này bà đã trả hết cho ông A, bà D nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, bà chỉ đồng ý trả cho ông A, bà D số tiền vay 30.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng này là một khoản vay khác bà vay của ông A, bà D. Mặt khác tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ngoài khoản nợ 170.000.000 đồng đang khởi kiện, quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà C đã trả được cho ông A, bà D số tiền 65.000.000 đồng thì hiện nay bà C không nợ bà D, ông A bất cứ khoản tiền nào.

[3] Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do trong thời hạn mà pháp luật quy định ông A, bà D không khởi kiện nên Tòa án xác định đây là vụ án Kiện đòi tài sản theo quy định Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần buộc bà C phải trả cho bà D, ông A số tiền gốc là 105.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà C phải trả cho bà D, ông A số tiền 105.000.000 đồng nên bà C phải nộp 5.250.000 đồng án phí DSST (105.000.000 đồng x 5% = 5.250.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị D về việc “*Kiện đòi tài sản*” với bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị D số tiền 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp 5.250.000 đồng án phí DSST

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thương Huyền - Phạm Đức Minh

Vũ Thị Thúy Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thúy Thành

